

AM 12:39

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 29/8/2026

Group G12
Round 9
Board 1

WHITE Huang Zixin											
BLACK Zinneerah Annour, Zaidani											
FED CHN						RESULT (W) 1					
FED MAS						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qe3	Kg7	41	Rxh6	Kg7	61		
2	c4	e6	22	Re1	Qb4	42	Rh7	Kf6	62		
3	Nf3	Nf6	23	a3	Qe7	43	Ng4	Ke1	63		
4	Nc3	c6	24	b4	Nd7	44	Re1	Kf8	64		
5	Bg5	h6	25	Qf4	a5	45	Ne5	Ke7	65		
6	Bxf6	Qxf6	26	Ne5	Nf6	46	Nxc6	Kf8	66		
7	e3	Bd6	27	Qd2	Qd6	47	Nxd8	Rxd8	67		
8	Rc1	o-o	28	Nf3	e5	48	Rh8	Kxf7	68		
9	Be2	Nd7	29	Qb2	Qe7	49	Rxd8	Nc4	69		
10	o-o	dxc4	30	dxc5	Ne8	50	Rd7	Kf6	70		
11	Ne4	Qe7	31	e6	Qf6	51	Rxb7	Nxa3	71		
12	Nxd6	Qxd6	32	e5	Qxe6	52	h4	Nxb1	72		
13	Bxc4	b5	33	Ba2	Qe7	53	Rxb1	Kg6	73		
14	Bd3	Bb7	34	e6	Qf6	54	g4	Kf6	74		
15	Qe2	Rac8	35	Qxf6	Kxf6	55	R4	Kg6	75		
16	Rfd1	Qe7	36	Rxf7	Nd6	56	Rd1	Kf6	76		
17	Bb1	Rxd8	37	Re6	Kg7	57	Rd6		77		
18	b3	a6	38	Ne5	axb4	58			78		
19	Qd3	Nf6	39	Rxg6	Kh7	59			79		
20	e4	g6	40	Bb1	Kh8	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Huang Zixin				SIGNATURE (BLACK) Zinneerah Annour				SIGNATURE (ARBITER) Pan Qian			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.29

Group G12
Round 9
Board 1

WHITE Huang Zixin											
BLACK Zaidani Zinneerah Annour											
FED						RESULT (W) 1					
FED						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qe3	Kg7	41	Rxh6	Kg7	61		
2	c4	e6	22	Re1	Qb4	42	Rh7	Kf6	62		
3	Nf3	Nf6	23	a3	Qe7	43	Nf4	Ke7	63		
4	Nc3	c6	24	b4	Nd7	44	Re1	Kf8	64		
5	Bg5	h6	25	Qf4	a5	45	Ne5	Ke7	65		
6	Bxf6	Qxf6	26	Ne5	Nf6	46	Nxc6	Kf8	66		
7	e3	Bd6	27	Qd2	Qd6	47	Nxd8	Rxd8	67		
8	Rc1	o-o	28	Nf3	e5	48	Rh8	Kxf7	68		
9	Be2	Nd7	29	Qb2	Qe7	49	Rxd8	Nc4	69		
10	o-o	dc	30	de	Ne8	50	Rd7	Kf6	70		
11	Ne4	Qe7	31	e6	Qf6	51	Rb7	Nxa3	71		
12	Nxd6	Qxd6	32	e5	Qxe6	52	h4	Nxb1	72		
13	Bxc4	b5	33	Ba2	Qe7	53	Rxb1	Kg6	73		
14	Bd3	Bb7	34	e6	Qf6	54	g4	Kf6	74		
15	Qe2	Rac8	35	Qxf6	Kxf6	55	f4	Kg6	75		
16	Rfd1	Qe7	36	Rxf7	Nd6	56	Rd1	Kf6	76		
17	Bb1	Rxd8	37	Re6	Kg7	57	Rd6		77		
18	b3	a6	38	Ne5	axb4	58			78		
19	Qd3	Nf6	39	Rxg6	Kh7	59			79		
20	e4	g6	40	Bb1	Kh8	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Huang Zixin				SIGNATURE (BLACK) Zaidani Zinneerah Annour				SIGNATURE (ARBITER) Pan Qian			

AM 12:39

AM 12:35

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date 8.29

Board 2

Group G12
Round 9

WHITE Luo, Zhen zhen										FED CHN	RESULT(W)
BLACK Lee, Jian A										FED KOR	RESULT(B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nf3	Rd8	41	Rc3	Rb2	61	Nf4	Kf3
2	c6	e6	22	f3	f6	42	Kf1	Nh4	62	Nd3	h2
3	Nf3	d5	23	e4	g4	43	Rc6	Kf5	63	Nf2	Rf2
4	Nf3	Bb6	24	Nf1	Rc7	44	Rc6	Nf3	64	Kd1	h1c6
5	Bg5	h6	25	Rc7	Qe7	45	Kf1	Rb1	65		
6	Bf6	Qf6	26	Qf6	Qf7	46	h4	Rb2	66		
7	a3	Rc3	27	Qf7	Kf7	47	Kel	Rf2	67		
8	Rc3	Nh7	28	Bf6	Rc6	48	Nf4	Nf	68		
9	e3	b6	29	Nh2	Nf6	49	Nf5	h4	69		
10	cd5	ed5	30	a5	h5	50	Rf6	h4	70		
11	Bd3	o-o	31	Rc1	Bc5	51	Rf5	Rf1	71		
12	o-o	c5	32	Rc1	Kf5	52	h4	Nf1	72		
13	Rc1	c6	33	Ra7	h6	53	Kc2	Rf5	73		
14	Bb1	Bb1	34	Bb1	f6	54	h4	h3	74		
15	Qc2	g6	35	Rc1	Rc5	55	Nc6	Kf4	75		
16	h4	Qf7	36	Rc1	c3	56	Kf2	Ra5	76		
17	ap	ab	37	Rc1	Rc6	57	Nf6	Ra5	77		
18	h5	g5	38	Rc1	Kf7	58	Nf6	Ra2	78		
19	Nh2	f5	39	Kf2	Kf6	59	Kf1	Kf3	79		
20	Nf1	Rf1	40	Kf2	Rb6	60	Kc1	Kf3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Luo, Zhen zhen			이건아			Pam D-dam					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date 26.08.29

Board 2

Group G12
Round 9

WHITE Luo, Zhen zhen										FED CHN	RESULT(W)
BLACK Lee, Jian A										FED KOR	RESULT(B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nf3	Rd8	41	Rc3	Rb2	61	Nf4	Kf3
2	c6	e6	22	f3	f6	42	Kf1	Nh4	62	Nd3	h2
3	Nf3	d5	23	e4	g4	43	Rc6	Kf5	63	Nf2	Rf2
4	Nf3	Bb6	24	Nf1	Rc7	44	Rc6	Nf3	64	Kd1	h1c6
5	Bg5	h6	25	Rc7	Qe7	45	Kf1	Rb1	65		
6	Bf6	Qf6	26	Qf6	Qf7	46	h4	Rb2	66		
7	a3	Rc3	27	Qf7	Kf7	47	Kel	Rf2	67		
8	Rc3	Nh7	28	Bf6	Rc6	48	Nf4	Nf	68		
9	e3	b6	29	Nh2	Nf6	49	Nf5	h4	69		
10	cd5	ed5	30	a5	h5	50	Rf6	h4	70		
11	Bd3	o-o	31	Rc1	Bc5	51	Rf5	Rf1	71		
12	o-o	c5	32	Rc1	Kf5	52	h4	Nf1	72		
13	Rc1	c6	33	Ra7	h6	53	Kc2	Rf5	73		
14	Bb1	Bb1	34	Bb1	f6	54	h4	h3	74		
15	Qc2	g6	35	Rc1	Rc5	55	Nc6	Kf4	75		
16	h4	Qf7	36	Rc1	c3	56	Kf2	Ra5	76		
17	ap	ab	37	Rc1	Rc6	57	Nf6	Ra5	77		
18	h5	g5	38	Rc1	Kf7	58	Nf6	Ra2	78		
19	Nh2	f5	39	Kf2	Kf6	59	Kf1	Kf3	79		
20	Nf1	Rf1	40	Kf2	Rb6	60	Kc1	Kf3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Luo, Zhen zhen			이건아			Pam D-dam					

AM 12:35

AM 12:30

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: May 29, 2026 Board: 3

WHITE Jiang, Luning												FED CHN	RESULT (W)
BLACK Ventolero, Khana Kathrine C.												FED PHI	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c6	21	~~Mb3~~	Bg4	41	g3	Bxb1	61	Re1	f3		0
2	d4	d5	22	b5	Qc4	42	Nxb8	Rxd8	62	Kf1	h3		1
3	e5	c5	23	Bxc4	Bxb3	43	Rd1	Qc6	63	Kg1	Rd2		
4	dxc5	ex6	24	Bxb3	Bg5	44	Bc6	Kxc7	64	Rf1	Re1		
5	Qh5	Bxc5	25	Nc5	Bc8	45	Bxb5	axb5	65	Ra1	e3		
6	Bd3	g6	26	Mb3	Be7	46	Rxb5	Rd5	66	fxe3	Rxh2		
7	Qe2	Nc6	27	Nd4	Bd7	47	Rb4	Kd6	67	Rd2	f2		
8	c3	Bd3	28	Rxc1	Rc8	48	Rb7	f6	68	Kd1	g3		
9	Nc6	Qc7	29	Bd8	Nb3	49	Rf7	Ke5	69				
10	O-O	O-O-O	30	Bc7	Re1	50	Rd7	Ke5	70				
11	b4	Be7	31	Rd7	c4	51	Rd4	Rd7	71				
12	Q4	b5	32	Rd5	Nc5	52	Rd5	Rd4	72				
13	Q5	Nc6	33	Be8	cxd3	53	Kf5	Rd4	73				
14	Bxb6	Rxb6	34	Bxb5	Ne5	54	Kg1	Re4	74				
15	Qe3	Rd8	35	Rxc1	Rxc1	55	d5	Re1	75				
16	Nxb8	g5	36	~~Bd5~~	~~Bd5~~	56	Nd4	Qh4	76				
17	Re1	g4	37	~~Bd5~~	~~Nc5~~	57	Kd4	Re5	77				
18	Nd4	Kb8	38	~~Rd5~~	~~Nc5~~	58	Re3	f5	78				
19	Nxb1	Qxc6	39	~~Be4~~	~~Rd6~~	59	Re2	e4	79				
20	Re2	Rd8	40	~~Nxb7~~	~~Rd6~~	60	Re3	f4	80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
姜陆宁			Ventolero, Khana Kathrine			Pan Qidan							

AM 12:30

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: May 29, 2026 Board: 3

WHITE Jiang, Luning												FED CHN	RESULT (W)
BLACK Ventolero, Khana Kathrine												FED PHI	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c6	21	Nb3	Bg5	41	g3	Bb5	61	Re1	f3		0
2	d4	d5	22	b5	Qc4	42	Nb8	Rd8	62	Kf1	h3		1
3	e5	c5	23	Bc4	Bxb3	43	Rb1	a6	63	kg1	Rd2		
4	dxc5	ex6	24	Bd3	Bg5	44	Bb6	Kc7	64	Rf1	Re2		
5	Qh5	Bxc5	25	Nc5	Bc8	45	Bb5	a6	65	Rd1	e3		
6	Bd3	g6	26	Nb3	Be7	46	Bb5	Rd5	66	fe	Rh2		
7	Qe2	Nc6	27	Nd4	Bd7	47	Rb4	Kd6	67	Rd7	f2		
8	c3	Bd3	28	Rxc1	Rc8	48	Rb7	f6	68	Kd1	g3		
9	Nc6	Qc7	29	Bd8	Nb3	49	Rd1	Bd8	69				
10	O-O	O-O-O	30	Bc7	Re1	50	Rd7	Ke5	70				
11	b4	Be7	31	Rd7	c4	51	Rd4	Rd7	71				
12	Q4	b5	32	Rd5	Nc5	52	Rd5	Rd4	72				
13	Q5	Nc6	33	Be8	cxd3	53	Kf5	Rd4	73				
14	Bxb6	Rxb6	34	Bxb5	Ne5	54	Kg1	Re4	74				
15	Qe3	Rd8	35	Rxc1	Rxc1	55	d5	Re1	75				
16	Nxb8	g5	36	~~Bd5~~	~~Bd5~~	56	Nd4	Qh4	76				
17	Re1	g4	37	~~Bd5~~	~~Nc5~~	57	Kd4	Re5	77				
18	Nd4	Kb8	38	~~Rd5~~	~~Nc5~~	58	Re3	f5	78				
19	Nxb1	Qxc6	39	~~Be4~~	~~Rd6~~	59	Re2	e4	79				
20	Re2	Rd8	40	~~Nxb7~~	~~Rd6~~	60	Re3	f4	80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
姜陆宁			Ventolero, Khana Kathrine			Pan Qidan							

AM 12:02

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



WHITE												FED		RESULT (W)	
xin, Yueran												CHN		1	
BLACK												FED		RESULT (B)	
Veronica J.S.L. Makaleu												INA		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK				
1	d4	d5	21	bc	bc	41	kg3	Re1	61	Ke9	Re8				
2	c4	c6	22	Ra4	Rd6	42	Ra7	Rd3	62	Kf3	Rf8				
3	Nf6	Nf6	23	Rfd1	Sb6	43	Ke2	Vof	63	Ke9	Ke5				
4	e3	e6	24	Bc4	Bc7	44	Nf5	Ke8	64	Vf2	Ke5				
5	Bd3	Nbd7	25	Rc4	h6	45	Rg7	Ra3	65	h4	Rf5				
6	Nc3	dc	26	Rd8	Rd8	46	Rc7	Ra2	66	Ng4	Ke4				
7	Bc4	Bb4	27	Nd4	Rb8	47	Kg3	Rc2	67	h5	Rg5				
8	Rc2	O-O	28	Nc6	Rb7	48	Rc6	h5	68	Kh7	Kf5				
9	O-O	Re7	29	Nb5	Re7	49	Rh6	Ke8	69	e4	Kf4				
10	Bd2	e5	30	Nf3	Re8	50	Rh5	Re2	70	g3	Ke3				
11	a3	Rd6	31	Nd5	Rb8	51	Kf3	Ra2	71	Kg5	Kg3				
12	de	Ne5	32	Rc5	Rc5	52	Rh7	Ve5	72	h6	Ke2				
13	Nb5	Ba5	33	Rc5	Rb1	53	Ke2	Nb7	73	h7	Kg1				
14	Ne2	Rd8	34	Kh2	Ne4	54	Ra7	Ke7	74	h8=Q	Kg2				
15	h3	b5	35	Rc8	Ke7	55	Nd6	Ke8	75	Ke4	Ke4				
16	Ba2	c5	36	Rc7	Nf2	56	Nf5	Rg8	76	Re3	Ke7				
17	Ba5	Bc7	37	Rf7	Rh1	57	Nh6	Rb8	77	Qh2	Kf1				
18	Bc7	Qc7	38	Kg3	Ne4	58	Rg6	Ke6	78	Qf2					
19	Rf1	c4	39	Kh7	Rg7	59	Ng4	Re8	79						
20	b3	Ba6	40	Re7	Nd6	60	Ke5	Rd8	80						
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
xin Yueran				Veronica				Pan Qian							

AM 12:02

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



WHITE												FED		RESULT (W)	
Xin Yueran												chn		1	
BLACK												FED		RESULT (B)	
Veronica J.S.L. Makaleu												INA		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK				
1	d4	d5	21	bxc4	bxc4	41	Le3	Rd1	61	Le9	Re8				
2	c4	c6	22	Ra4	Rd6	42	Ra7	Rd3	62	Le3	Rf8				
3	Nf3	Nf6	23	Rd1	Ob6	43	Le2	Ne4	63	Le3	Le9				
4	e3	e6	24	Bxc4	Bxc4	44	Nf5	Le8	64	Nf2	Le5				
5	~~Nd3~~ Bc3	Nbd7	25	Qxc4	h6	45	Rxg7	Rxa8	65	h4	Rf5				
6	Ne3	~~Rd4~~ dx4	26	Rxd8	Rxd8	46	Rc7	Ra2	66	Ng4	Le9				
7	Bxc4	Bb4	27	Nl9	Rb8	47	h3	Rc2	67	h5	Rg5				
8	Qc2	O-O	28	Nc6	Rb7	48	Rc6	h5	68	Le4	Le5				
9	O-O	Qe7	29	Ne5	Re7	49	Rh6	g8	69	e9	Le4				
10	Bb2	e5	30	Nf3	Rb8	50	Rd5	Re2	70	g3	~~Le8~~ Le3				
11	a3	Bb6	31	Nd4	Rb8	51	Le3	Ra2	71	Lxxg5	Lxxg3				
12	dxg5	Nxe5	32	Qc5	Bxc5	52	Rh4	Nb5	72	h6	Lg2				
13	Nxe5	Bxe5	33	Rxc5	Rb1	53	Le4	Ng6	73	h7	h9				
14	Ne2	Rb8	34	h4	Nb9	54	Rg9	Le7	74	h8=Q	Ld2				
15	h3	b5	35	Rc8	h4	55	Nb6	Le6	75	Le9	Le1				
16	Ba2	c5	36	Rc7	Nxf2	56	Nf5	Ra8	76	Le3	h9				
17	Ba5	Bc7	37	Rxf7	Rh1	57	Nh6	Rb8	77	Qh2	Le1				
18	Bxc7	Qxc7	38	Lg3	Ne4	58	Rg6	Lxxg6	78	Qxf2					
19	Ra1	c4	39	h4	R91	59	~~Rd6~~ Ng4	Re8	79						
20	b3	Ba6	40	Re7	Nb6	60	Ld5	Rb8	80						
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
xin yueran				Veronica				Pan Qian							

WHITE				FED				RESULT (W)			
Kung, Fan-Hsuan				TPE				1/2			
BLACK				FED				RESULT (B)			
Paredes, Althaa Domingue M.				PHI				1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rf1	bxc3	41	Bxc4	Rc2	61	Rxc3	Kxc3
2	Nf3	Nf6	22	bxc3	Rb8	42	Rd1	Kf6	62	Kc3	Kc4
3	g3	e6	23	Rbb1	Rb7	43	ds	exd5	63	f3	Kc3
4	Bg2	Be7	24	Qc2	Rfb8	44	Bxd5	Bd2	64	g4	f4
5	c3	c5	25	Bc1	ab5	45	Be4	Rb2	65		
6	Nbd2	o-o	26	Kxb3	Qxb3	46	Rb1	Ra2	66		
7	Ne5	Nc6	27	Rc1	Be7	47	Kf3	Ra3	67		
8	Nf3	Bd7	28	Qe2	Rc8	48	Ka3	Ke5	68		
9	o-o	b5	29	Bh3	Ba3	49	Rb2	Kxe3	69		
10	Bg5	Rc8	30	Rc2	Rb8	50	Rxc3	Ra6	70		
11	Nxc6	Rxc6	31	Bf1	Bb2	51	Rd7	f5	71		
12	Ne5	Rc8	32	Qd2	Ba1	52	Rb2	Rc6	72		
13	Qb3	c4	33	Rc1	Ra8	53	Ra2	Kd3	73		
14	Qc2	a5	34	Qc2	Ra3	54	Ra3	Ke9	74		
15	a3	h6	35	Qe2	Ra4	55	Rc3	Kd4	75		
16	Bxf6	Bxf6	36	Qc2	Ra2	56	Kf3	g5	76		
17	Nxd7	Qd7	37	Qb1	g6	57	Ra3	Rb6	77		
18	e4	dxc4	38	Kg2	Kg7	58	h4	Rc6	78		
19	Qxe4	b4	39	h3	Qxb1	59	hxg5	hxg5	79		
20	axb4	axb4	40	Rxb1	Bxc3	60	Rc3	Rc3	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Shawn				Althaa				Pam Oram			

WHITE				FED				TPE				RESULT (W)		
BLACK				FED				PHI				RESULT (B)		
Kung-fan-Hsuan				Iarobes, Althea Dom:algeem.								1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rf1	bxc3	41	Bxc4	Rc2	61	Rxc3	kxc3			
2	Nf3	Nf6	22	bxc3	Rb7	42	Rd1	Kf6	62	Ke3	Kc4			
3	g3	e6	23	Rdb1	Rb3	43	d5	exd5	63	f3	Kc3			
4	Bg2	Be7	24	Qc2	Rf8	44	Bxd5	Bd2	64	g4	f4			
5	c3	c5	25	Bf1	Qb5	45	Bc4	Rb2	65					
6	Nbd2	O-O	26	Rxb3	Qxb3	46	Rb1	Ra2	66					
7	Ne5	Nf3	27	Rc1	Be7	47	Kf3	Ra3	67					
8	Ndf3	Bd7	28	Qe2	Rc8	48	Kg2	Ke5	68					
9	O-O	b5	29	Bh3	Ba3	49	Rb2	Kxe4	69					
10	Bg5	Rc8	30	Rc2	Rb8	50	Rxd2	Ra6	70					
11	Nxc6	Rxc6	31	Bf1	Bb2	51	Rd7	f5	71					
12	Ne5	Rc8	32	Qd2	Ba1	52	Rd2	Rc5	72					
13	Qd3	c4	33	Rc1	Rag	53	Ra2	Kd3	73					
14	Qc2	a5	34	Qc2	Ra3	54	Ra3	Kelt	74					
15	a3	h6	35	Qe2	Ra4	55	Re3	Kd4	75					
16	Bxf6	Bxf6	36	Qc2	Ra2	56	Kf3	g5	76					
17	Kxd7	Qxd7	37	Qb1	g6	57	Ra3	Rb6	77					
18	e4	dxe4	38	kg2	kg7	58	h4	Rc6	78					
19	Qxe4	b4	39	h3	Qxb1	59	hxg5	hxg5	79					
20	axb4	axb4	40	Rxb1	Bxc3	60	Re3	Rc3	80					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)						
Shen				Althea				Pan Pan						

AM 10:52

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.29

Group	12
Round	9
Board	6

WHITE Mandukhai. Munkhbat.						FED MOL		RESULT(W) 1			
BLACK Anugap. Mambayrjav.						FED MOL		RESULT(B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	e6.	21	Nf7	Kg8	41	bc	a5	61		
2	d3.	d5.	22	Nd8	Rd8	42	Rf7	h5	62		
3	nd2.	de.	23	Bg5	b4	43	e5	c4	63		
4	de.	Bd6.	24	h5	Rd6	44	d4	a4	64		
5	Ngf3.	Nc6.	25	hg	Bg7	45	e6	h4	65		
6	c3	Ne7	26	Be7	de7	46	e7	h3	66		
7	Bc4	O-O	27	Oc8	Rd8	47	Oc8	h2	67		
8	O-O	Ng6	28	Og4	Rf8.	48	Khd	a3	68		
9	Re1	e5	29	Rad1	Qh6	49	Bg8	Kh6	69		
10	Nd1	Bg4	30	Og3	Nc6	50	Rh7		70		
11	h3	Bf3	31	Re5	Ne7	51			71		
12	Qf3	Na5	32	Bb3	Kh8	52			72		
13	Bd3	c5	33	Rf3.	Qh6	53			73		
14	Nf3	Oc7	34	Rf8.	Bf8.	54			74		
15	Og4	Nf8	35	Be5	Og7	55			75		
16	Nf5	Bt8	36	Og7	Bg7	56			76		
17	h4	Rad8	37	Rd8	Bf8	57			77		
18	Bc2	b5	38	Rf8	kg7	58			78		
19	h5	Ne7	39	Rf7	kg6	59			79		
20	Nh7	Kh8	40	Re7	bc	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Mangyrai			SIGNATURE (BLACK) Anudari*			SIGNATURE (ARBITER) Pan Qian					

AM 10:52

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.29

Group	12
Round	9
Board	6

WHITE Mandukhai, Munkhbat						FED Mol		RESULT (W) 1			
BLACK Anudari, Lambatsuren						FED Mol		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nf7	Kg8	41	bc	a5	61		
2	d3	d4	22	Nd8	Rd8	42	Rf7	h5	62		
3	Nd2	de4	23	Bg5	b4	43	e5	c4	63		
4	de4	Bd6	24	h6	Rd6	44	Bc4	a4	64		
5	Ngf3	Nc6	25	hg	Bg7	45	e6	~~e~~ h4	65		
6	c3	Ngd7	26	Be7	Qe7	46	e7	h3	66		
7	~~Bc4~~ Bc4	O-O	27	Qc8	Rd8	47	e8Q	h2	67		
8	O-O	Ng6	28	Qg4	Rf8	48	Kh2	a3	68		
9	Re1	e5	29	Rad8	Qf6	49	Qg8	Kh6	69		
10	Nf1	Bg4	30	Qg3	Nc6	50	Rh7		70		
11	h3	Bf3	31	Re3	Ne7	51			71		
12	Qf3	Na5	32	~~Bb3~~ Bb3	Kh8	52			72		
13	Bd3	c5	33	Rf1	Qh6	53			73		
14	Ng3	Qc7	34	Rf8	Bf8	54			74		
15	Qg4	Re8	35	Qe5	Qg7	55			75		
16	Nf5	Nf8	36	Qg7	Bg7	56			76		
17	h4	Rad8	37	Rd8	Bf8	57			77		
18	Bc2	b5	38	Rf8	Kg7	58			78		
19	h5	Ne7	39	Rf7	Rg6	59			79		
20	Nh6	Kh8	40	Re7	bc ~~Bc~~	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Mangyrai.			SIGNATURE (BLACK) Anudari:			SIGNATURE (ARBITER) Pan Qian					

WHITE						FED		CHN		RESULT (W)	
BLACK						FED		CHN		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	a4	we4	41	Bf6	Re1	61	Qc8	Kb4
2	Nf3	Nc6	22	Qh3	Kd8	42	Re1	Re1	62	Qd4	Kb3
3	Nc3	Nf6	23	Ra1	Ng5	43	Ke1	Qe8	63	Qb6	Ka2
4	d4	ed	24	Qg3	Ne4	44	Re5	Bc8	64	Qd4	Ka1
5	Nd4	Bd4	25	Be4	Re4	45	Qe4	Rb7	65	Qa4	Kb1
6	Nf4	Bc3	26	a5	Re2	46	Bc7	Kc7	66	Qg6	Kc1
7	Re6	dc	27	a6	a6	47	Qd8	Bc6	67	Qg2	
8	Bd3	h6	28	Rab1	Re1	48	Qe7	Rd7	68		
9	Bg3	b6	29	f3	Qe4	49	Qf6	b5	69		
10	Qd3	Bb7	30	Bc5	Qe3	50	Qh6	g4	70		
11	Rd1	QgQc8	31	Re1	Qc6	51	f9	Bg4	71		
12	Qg3	Bb6	32	Re4	Rd7	52	Qf4	Kc6	72		
13	0-0	0-0-0	33	Re1	Q5	53	Qf4	a4	73		
14	Qd3	Bc5	34	Rd2	Rd7	54	K4	Kc5	74		
15	Qd2	Nc4	35	Bc3	Reb8	55	b5	b4	75		
16	Bb2	Ng5	36	Re1	Qd6	56	h6	b3	76		
17	Qh5	g6	37	Be5	Qc6	57	cb	cb	77		
18	Qh4	Qf6	38	Qh5	Re8	58	Qd8	Kc4	78		
19	Qg3	Qc6	39	Qf5	Rd1	59	h7	b2	79		
20	Q4	Rd4	40	Kf1	f6	60	Qd8	Kc5	80		

SIGNATURE (WHITE)

Ye Shuhan

SIGNATURE (BLACK)

马新拉

SIGNATURE (ARBITER)

Pam Qian

WHITE				CHN				RESULT (W)			
BLACK				CHN				RESULT (B)			
Ma Shu								0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	04 1:31	e5 1:3	21	a454	nef 21	41	Bx6	Re1	61	Qc5	1/34
2	Nf3 1:31	Nc6 1:2	22	Qh3 5	Khf 23	42	Re1	Re1	62	Qd6	Kb-
3	Nc3 1:32	Nf6 1:3	23	Ra1 4	Ng5 22	43	1ce1	Qef	63	Qb6	Ka2
4	d4 1:33	ed 1:20	24	Qg3 46	Nef 21	44	Bes	Bcg	64	Qc4	Ka1
5	Nd4 1:32	Bk4 1:27	25	Beq 46	Qe4 21	45	Re4	Bb7	65	Qa4	1b1
6	Nc6 1:33	Bc3 1:2	26	q5 44	Qe2 15	46	Bc7	Kc7	66	Qg	Kc1
7	b c 1:33	d c 1:26	27	ab 4 2	Gb 15	47	Q c7	b4	67	Qc4	
8	Bd3 1:32	h6 1:23	28	Rab1 36	Rd7 10	48	Qe7	Bb7	68		
9	Ba3 1:33	b6 1:19	29	F3 33	Qc4 8	49	Qf6	b5	69		
10	af3 1:32	Bb7 1:17	30	Bes 35	Qe6 5	50	Qh6	Q4	70		
11	Rd1 1:31	Qc8 1:15	31	Rf5 1:37	Qc6 6	51	F9	Bg4	71		
12	Qd3 1:32	Qe6 1:1	32	Bf5 31	Rd7	52	Qf4	Kc6	72		
13	00 1:28	000 1:5	33	Red1	B5	53	Qg4	C4	73		
14	Qe3 1:20	C5 1:2	34	Bd2	Rd7	54	h4	Ke5	74		
15	Qe2 1:19	Nef 89	35	Bc3	Re5	55	h5	b6	75		
16	Bb2 1:3	Nf5 52	36	Re1	Qd6	56	h6	b3	76		
17	Qh5 1	g6 48	37	Bes	Qc6	57	Cb	Cb	77		
18	Qh4 54	Qd6 33	38	Qm3	Re8	58	Qd1	1ce4	78		
19	Qg3 57	Qd6 26	39	Qf5	Rd7	59	h7	b2	79		
20	C4c6	Rhef 25	40	Kf1	f6	60	Qf5=g	Kc5	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Ye, Shuhan				马林				Pam Qwan			

AM 11:44

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 8/29 Board: 8

WHITE: Chang Lan-Xin Nancy												FED: TPE	RESULT (W): 1
BLACK: Ujin Bumsur												FED: MGL	RESULT (B): 0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	b6	21	Ka1	g2	41			61				
2	d4	Bb7	22	Rc1	g6	42			62				
3	Nc3	d6	23	Ng3	Bb6	43			63				
4	Nf3	Nd7	24	Ne4	Nd6	44			64				
5	Bc4	Nf6	25	Nxc4	Bc4	45			65				
6	Qd3	c5	26	Bc5	Qb6	46			66				
7	Bc3	e6	27	Bxh7	Bxe1	47			67				
8	O-O-O	a6	28	Rxe1	Rb8	48			68				
9	a4	Nxe4	29	Nf6	Ke7	49			69				
10	Nxe4	d5	30	Qa3	Kd8	50			70				
11	Ng3	dxc4	31	Qf8	Kc7	51			71				
12	Qxc4	Bd5	32	Qe7	Kc6	52			72				
13	Qc3	c4	33	Qd7		53			73				
14	Rhe1	b5	34			54			74				
15	Bf4	a5	35			55			75				
16	Qd2	c3	36			56			76				
17	Qe3	xb2	37			57			77				
18	Kxb2	bxa4	38			58			78				
19	Nf5	Nb6	39			59			79				
20	Nd2	a3	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE): <i>Nancy</i>			SIGNATURE (BLACK): <i>Ujin</i>			SIGNATURE (ARBITER): <i>Pan Qian</i>							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 2026.8.29 Board: 8

WHITE: Chang Lan-Xin Nancy												FED: TPE	RESULT (W): 1
BLACK: Ujin Bumsur												FED: MGL	RESULT (B): 0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	b6	21	Ka1	a2	41			61				
2	d4	Bb7	22	Rc1	g6	42			62				
3	Nc3	d6	23	Ng3	Bb6	43			63				
4	Nf3	Nd7	24	Ne4	Nd6	44			64				
5	Bc4	Nf6	25	Nxc4	Bc4	45			65				
6	Qd3	c5	26	Bc5	Qb6	46			66				
7	Bc3	e6	27	Bxh7	Bxe1	47			67				
8	O-O-O	a6	28	Rxe1	Rb8	48			68				
9	a4	Nxe4	29	Nf6	Ke7	49			69				
10	Nxe4	d5	30	Qa3	Kd8	50			70				
11	Ng3	dxc4	31	Qf8	Kc7	51			71				
12	Qxc4	Bd5	32	Qe7	Kc6	52			72				
13	Qc3	c4	33	Qd7		53			73				
14	Rhe1	b5	34			54			74				
15	Bf4	a5	35			55			75				
16	Qd2	c3	36			56			76				
17	Qe3	xb2	37			57			77				
18	Kxb2	bxa4	38			58			78				
19	Nf5	Nb6	39			59			79				
20	Nd2	a3	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE): <i>Nancy</i>			SIGNATURE (BLACK): <i>Ujin</i>			SIGNATURE (ARBITER): <i>Pan Qian</i>							

AM 11:44

AM 11:38

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.29

Group	G12
Round	9
Board	9

WHITE Weng Aiyu											
BLACK Bujiukham Batur											
FED CHN						RESULT(W) 0					
FED MGL						RESULT(B) 1					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e5e4	Nf3e5	21	d-b	Qf6	41	Qf4	Qb3	61	C-d	C-d
2	Nf3	Nc6	22	Qc3	Re5	42	Qf8+	Kh7	62	Kg4	Ke5
3	d4	e-d	23	Re3	Qf4	43	Qf5+	Kh8	63	Kh4	Ke4
4	Bc4	d6	24	Rg-f	Qg4	44	h4	Nef	64	Kg5	d5
5	Nd4:	Nd4:	25	h3	Qg6	45	Rg6	Nd8	65	Kg4	d4
6	Qd4:	Nf6	26	Rgg3	Qf6	46	Qf8+	Qg8	66	Kg3	Ke3
7	O-O	Be7	27	Re-f3	Qe6	47	Qg8:	Kg8:	67	Kg2	Ke2
8	Nc3	O-O	28	Rf5	f6	48	h5	Kf7	68	Kg1	d3
9	Bg5	h6	29	Re5:	f-e	49	Kh2	Ne6	69	Kg2	d2
10	Bh4	Re8	30	Qd2	Nd4	50	Kg3	Ng5	70	Kg3	d1-d1
11	Ra-e1	Nd7	31	Kh1	Qf6	51	Kf4	Ke6	71	Kf4	Kd3
12	Be7:	Qe7:	32	b4	Qh4	52	Kf5	Nd8	72	Ke5	Qc4
13	Re3	Ne5	33	C3	Ne6	53	g4	Nc6	73	Kd6	Qb5
14	Bb3	Nc6	34	Qe3	d6	54	g5	Ne7+	74	KKe6	Kd3
15	Qd2	Be6	35	Qf3	Qe7	55	Kg4	Ng6:	75	Kf6	Qd5
16	Nd5	Qd7	36	Qf5	Nd8	56	h-g	Kg6:	76	Kg7	Qe6
17	Rg3	Kh8	37	f4	e-f	57	g-h	g-h	77	Kf8	Qd7
18	Nf6	Qe7	38	Qf4	Ne6	58	c4	Kf6	78	b3	Ke4
19	Ne8:	Re8:	39	Qe3	Ng5	59	Kf4	h5	79	Kg8	Kf5
20	Re1	Bb3:	40	Rg4	Qe6	60	C5	h4	80	b5	Kf6
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Weng Aiyu				Bujiukham				Pan Qian			

AM 11:38

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.29

Group	G12
Round	9
Board	9

WHITE Weng Aiyu											
BLACK Bujiukham Batur											
FED CHN						RESULT(W) 0					
FED MGL						RESULT(B) 1					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	61a6	Qf6	41	~~Qf6~~	Qb3	61	cd	cd
2	Nf3	Nc6	22	60d6	Re5	42	Qf8	Kh7	62	Kg4	Ka5
3	d4	ed	23	57R1e3	Qf4	43	24a5	Kh8	63	Kh4	Ke4
4	Bc4	d6	24	54R9f5	Qg4	44	22h4	Ne6	64	Kg5	d5
5	Nd4:	Nd4:	25	53h3	Qg6	45	21R9f	Nd8	65	Kg4	d4
6	Qd4:	Nf6	26	52R93	Qf6	46	a7f8	Qg8	66	Ke3	Ke3
7	O-O	Be7	27	52R9f3	Qe6	47	Qg8	Kg8	67	Kg2	Ke2
8	Nc3	O-O	28	48Rf5	f6	48	h5	Kf7	68	Kg1	d3
9	Bg5	h6	29	Re5	f-e	49	Kh2	Ne6	69	Kg2	d2
10	Bh4	Re8	30	47a6	Nd4	50	Kg3	Ng5	70	Kg3	d1-d1
11	Ra-e1	Nd7	31	45Kh1	Qf6	51	Kf4	Ke6	71	Kf4	Kd3
12	Be7:	Qe7:	32	41b4	Qh4	52	Kf5	Nd8	72	Ke5	Qc4
13	Re3	Ne5	33	39c3	Ne6	53	g4	Nc6	73	Kd6	Qb5
14	Bb3	Nc6	34	38a2	Qe3	54	g5	Ne7+	74	KKe6	Kd3
15	Qd2	Be6	35	37a7	Qe7	55	Kg4	Ng6:	75	Kf6	Qd5
16	Nd5	Qd7	36	36a5	Nd8	56	h-g	Kg6:	76	Kg7	Qe6
17	Rg3	Kh8	37	35f4	Qf	57	g-h	g-h	77	Kf8	Qd7
18	Nf6	Qe7	38	34a4	Ne6	58	c4	Kf6	78	b3	Ke4
19	Ne8:	Re8:	39	33a4	Ng5	59	Kf4	h5	79	Kg8	Kf5
20	Re1	Bb3:	40	32a4	Qe6	60	C5	h4	80	b5	Kf6
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Weng Aiyu				Bujiukham				Pan Qian			

AM 11:45

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date 2026.8.29 Board 10

Group G12
Round 9

WHITE 吴江源				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Ma Suyu				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 1:30	c6 1:30	21	Rc1 1:13	Bd3 1:06	41	fe 1:01	Rb4 46'	61	Kg6 59'	Rh8 25'
2	d4 1:31	d5 1:30	22	h5 1:10	Kd7 1:02	42	Kc3 1:01	Re4 46'	62	Nf6 59'	Ke7 22'
3	e5 1:31	Bf5 1:29	23	Rc3 1:08	Qa5 1:01	43	Kd3 1:01	Kd6 44'	63	Nh7 59'	Kd6 22'
4	h4 1:32	h6 1:29	24	Nb3 1:00	cb 58'	44	e7 1:01	Ke7 44'	64	Kh6 59'	Re8 22'
5	g4 1:32	Bh7 1:29	25	Rd3 1:01	Qa4 58'	45	Bd5 1:01	Rc1 44'	65	RNg5 59'	Re6 23'
6	f4 1:31	e6 1:29	26	Rb3 1:01	b5 57'	46	Bb3 59'	Rg1 41'	66	de 1:00	Ke7 23'
7	Nf3 1:31	c5 1:27	27	Ra3 1:01	Qb7 57'	47	Re2 1:00	Kd8 41'	67	Kg7 1:00	Ke8 23'
8	c3 1:30	Nc6 1:25	28	Qb4 1:01	Nb4 57'	48	Be6 59'	Rb1 39'	68	h6 1:01	Ke7 24'
9	Q3 1:29	a6 1:22	29	Bd2 1:08	Nc6 57'	49	d5 58'	Rbd1 39'	69	h7 1:01	Ke8 24'
10	b4 1:28	c4 1:22	30	Ra6 1:08	b4 57'	50	Ke4 58'	Rc1 37'	70	h8-Q 1:01	Ke7 24'
11	Be3 1:28	Ng7 1:18	31	Ra2 1:05	Ra8 57'	51	Nd3 58'	Rc4 37'	71	af8 1:02	#
12	a4 1:28	Nc8 1:16	32	Rb2 1:03	Rhb8 56'	52	Ke3 57'	Rg3 38'	72		
13	Nbd2 1:26	N8a7 1:15	33	Ne1 1:02	b3 56'	53	Ke2 57'	Rd4 37'	73		
14	Bg2 1:26	Be7 1:11	34	Ke3 1:01	Na5 55'	54	Re3 57'	Re3 36'	74		
15	Nf1 1:19	Bb7 1:09	35	Ba5 1:01	Ra5 55'	55	Re3 57'	Ra4 33'	75		
16	cb 1:18	Nb7 1:09	36	Kd2 1:01	Rb5 54'	56	Nc5 58'	Ra7 32'	76		
17	Nd2 1:16	Nc2 1:09	37	Nd3 1:01	Rb6 53'	57	Kf4 58'	Rg7 27'	77		
18	Kf2 1:16	Na1 1:07	38	Nc5 1:01	Ke7 52'	58	Kf5 59'	Ke7 26'	78		
19	Qa1 1:17	Nc6 1:09	39	f5 1:01	f6 48'	59	Ne4 59'	Kf8 25'	79		
20	Qb2 1:15	Rb8 1:09	40	ef 1:01	g6 48'	60	Kf6 59'	Rh7 24'	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				msy				Pan Qian			

AM 11:45

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date 8.29 Board 10

Group G12
Round 9

WHITE 吴江源				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Ma Suyu				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 1:30	c6 1:30	21	Rc1 1:13	Bd3 1:06	41	fe 1:01	Rb4 46'	61	Kg6 59'	Rh8 25'
2	d4 1:31	d5 1:30	22	h5 1:10	Kd7 1:02	42	Kc3 1:01	Re4 46'	62	Nf6 59'	Ke7 22'
3	e5 1:31	Bf5 1:29	23	Rc3 1:08	Qa5 1:01	43	Kd3 1:01	Kd6 44'	63	Nh7 59'	Kd6 22'
4	h4 1:32	h6 1:29	24	Nb3 1:00	cb 58'	44	e7 1:01	Ke7 44'	64	Kh6 59'	Re8 22'
5	g4 1:32	Bh7 1:29	25	Rd3 1:01	Qa4 58'	45	Bd5 1:01	Rc1 44'	65	RNg5 59'	Re6 23'
6	f4 1:31	e6 1:29	26	Rb3 1:01	b5 57'	46	Bb3 59'	Rg1 41'	66	de 1:00	Ke7 23'
7	Nf3 1:31	c5 1:27	27	Ra3 1:01	Qb7 57'	47	Re2 1:00	Kd8 41'	67	Kg7 1:00	Ke8 23'
8	c3 1:30	Nc6 1:25	28	Qb4 1:01	Nb4 57'	48	Be6 59'	Rb1 39'	68	h6 1:01	Ke7 24'
9	Q3 1:29	a6 1:22	29	Bd2 1:08	Nc6 57'	49	d5 58'	Rbd1 39'	69	h7 1:01	Ke8 24'
10	b4 1:28	c4 1:22	30	Ra6 1:08	b4 57'	50	Ke4 58'	Rc1 37'	70	h8-Q 1:01	Ke7 24'
11	Be3 1:28	Ng7 1:18	31	Ra2 1:05	Ra8 57'	51	Nd3 58'	Rc4 37'	71	af8 1:02	#
12	a4 1:28	Nc8 1:16	32	Rb2 1:03	Rhb8 56'	52	Ke3 57'	Rg3 38'	72		
13	Nbd2 1:26	N8a7 1:15	33	Ne1 1:02	b3 56'	53	Ke2 57'	Rd4 37'	73		
14	Bg2 1:26	Be7 1:11	34	Ke3 1:01	Na5 55'	54	Re3 57'	Re3 36'	74		
15	Nf1 1:19	Bb7 1:09	35	Ba5 1:01	Ra5 55'	55	Re3 57'	Ra4 33'	75		
16	cb 1:18	Nb7 1:09	36	Kd2 1:01	Rb5 54'	56	Nc5 58'	Ra7 32'	76		
17	Nd2 1:16	Nc2 1:09	37	Nd3 1:01	Rb6 53'	57	Kf4 58'	Rg7 27'	77		
18	Kf2 1:16	Na1 1:07	38	Nc5 1:01	Ke7 52'	58	Kf5 59'	Ke7 26'	78		
19	Qa1 1:17	Nc6 1:09	39	f5 1:01	f6 48'	59	Ne4 59'	Kf8 25'	79		
20	Qb2 1:15	Rb8 1:09	40	ef 1:01	g6 48'	60	Kf6 59'	Rh7 24'	80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				msy				Pan Qian			